

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mã số doanh nghiệp là 0102307343, bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ (từ 50 tỷ đồng lên thành 172 tỷ đồng) và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04 3 573 8555
- Fax : 04 3 856 4666

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
 - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay; búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
 - Cung ứng lao động tạm thời;
 - Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐT BXH-GP ngày 9/11/2009);
 - Kinh doanh bất động sản, dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước.
- (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Loan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013
Ông Đào Tiến Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Hồng Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Ngô Văn Tĩnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Bà Trương Thị Luyến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2014
Bà Ngô Thị Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 26 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 251/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp phát kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2017, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		326.568.426.358	243.173.817.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.693.330.449	60.820.506.022
1. Tiền	111		19.063.330.449	35.646.089.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.630.000.000	25.174.416.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.445.814.720	17.742.963.176
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.445.814.720	17.742.963.176
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.291.636.585	78.214.591.557
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	71.200.089.278	39.114.245.836
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.752.579.422	1.052.701.397
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	11.574.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	61.440.542.320	43.002.235.154
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(28.101.574.435)	(16.528.590.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		163.547.157.380	72.053.470.793
1. Hàng tồn kho	141	V.8	163.547.157.380	72.053.470.793
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.590.487.224	14.342.285.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.471.997.656	5.065.620.076
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.118.489.568	9.276.665.578
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.833.656.807	101.785.808.468
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.280.539.555	49.136.913.155
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	39.021.739.555	48.181.982.463
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.258.800.000	1.992.564.490
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	-	(1.037.633.798)
II. Tài sản cố định	220		56.102.071.555	16.234.378.848
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	55.948.471.213	16.059.833.010
<i>Nguyên giá</i>	222		164.254.745.779	50.489.092.816
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(108.306.274.566)	(34.429.259.806)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	153.600.342	174.545.838
<i>Nguyên giá</i>	228		247.455.000	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(93.854.658)	(72.909.162)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	11.797.388.028
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	11.797.388.028
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.085.702.876	22.634.154.420
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	20.105.600.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	3.085.702.876	2.528.554.420
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.365.342.821	1.982.974.017
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	375.601.224	1.882.174.017
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		70.254.556	100.800.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	5.919.487.041	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		432.402.083.165	344.959.625.670

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		222.072.766.654	136.640.891.382
I. Nợ ngắn hạn	310		215.134.037.312	117.949.295.697
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	82.597.332.325	20.920.713.128
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	77.660.311.215	18.968.982.658
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.057.432.590	6.945.969.557
4. Phải trả người lao động	314		10.289.139.486	12.362.056.613
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	824.989.061	268.935.805
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a	125.000.000	36.818.182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	2.052.395.364	14.689.666.057
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	31.883.826.592	42.432.902.385
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	5.643.610.679	1.323.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.938.729.342	18.691.595.685
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	6.624.090.435	15.481.396.818
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	-	2.864.242.599
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	27.500.000	12.621.600
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	-	333.334.668
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	287.138.907	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		210.329.316.511	208.318.734.288
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	210.329.316.511	208.318.734.288
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.919.376.871	3.972.746.872
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.525.189.172	29.915.332.837
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.639.674.384	29.915.332.837
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.885.514.788	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20.096.700.468	2.642.604.579
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		432.402.083.165	344.959.625.670

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Ngô Văn Tình

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2017



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	347.871.269.145	349.249.152.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		347.871.269.145	349.249.152.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	295.560.192.418	279.707.110.105
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.311.076.727	69.542.042.864
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.052.629.003	4.585.384.541
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.043.844.941	5.397.222.143
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.465.659.211	2.703.509.316
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		789.508.022	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.819.193.567	19.671.285.346
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.386.640.859	21.734.862.777
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.903.534.385	27.324.057.139
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.652.230.765	14.388.821.662
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.498.306.328	14.460.515.417
14. Lợi nhuận khác	40		153.924.437	(71.693.755)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.057.458.822	27.252.363.384
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.937.213.249	8.427.163.467
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		317.684.351	(100.800.000)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.802.561.222</u>	<u>18.925.999.917</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>1.885.514.788</u>	<u>18.925.999.917</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>917.046.434</u>	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>102</u>	<u>1.525</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>102</u>	<u>1.525</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Ngô Văn Tình

Đinh Thị Thủy



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.057.458.821	27.252.363.384
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11.265.256.981	6.835.465.070
- Các khoản dự phòng	03		10.535.349.807	5.158.525.736
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(41.629.359)	(1.189.777.963)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.184.689.057)	(1.447.068.510)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.465.659.211	2.703.509.316
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.097.406.404	39.313.017.033
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.279.028.533)	(32.574.202.343)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.004.443.929	(10.075.383.928)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(39.767.491.627)	(25.651.192.902)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.209.786.728	(3.887.877.952)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	236.923.145
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.472.404.321)	(2.864.008.322)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(7.120.816.617)	(5.855.571.243)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.972.754.117	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(781.394.750)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.136.744.669)	(41.358.296.512)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.519.892.205)	(6.465.397.675)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.410.909.090	1.391.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.260.000.000)	(18.790.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.574.000.000	4.802.386.824
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.839.679.345)	(20.105.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.930.581.533	1.888.654.382
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.295.919.073	(37.278.138.287)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	79.788.050.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	79.731.791.766	102.352.388.273
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(90.820.970.738)	(97.725.533.473)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(17.200.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(28.289.178.972)</i>	<i>84.414.904.800</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.130.004.569)	5.778.470.001
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	60.820.506.022	55.032.397.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.828.996	9.638.782
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.693.330.449	60.820.506.022

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Trong năm 2015, Tập đoàn đã mua 1.648.000 CP của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV tương ứng 32,96% với giá mua là 20.105.600.000 VND. Ngày 17 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn mua thêm 1.733.900 CP tương đương 35,48% với giá mua là 21.818.970.000 VND, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại Công ty này lên 68,44%.

Giá phí hợp nhất kinh doanh của Công ty con được mua là: 42.089.370.000 VND.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

	VND
Tài sản	184.529.685.816
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.979.290.655
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19.950.582.212
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.095.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	6.844.912.866
Hàng tồn kho	112.498.130.516
Chi phí trả trước ngắn hạn	67.699.725
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	30.424.752
Nguyên giá TSCĐHH	119.550.635.735
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐHH	(81.528.882.435)
Chi phí trả trước dài hạn	41.891.790
Nợ phải trả	(132.134.333.806)
Phải trả người bán ngắn hạn	(40.382.910.525)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(81.540.337.071)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(668.662.352)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	VND
Phải trả người lao động	(1.550.954.341)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(71.040.315)
Phải trả ngắn hạn khác	(888.861.267)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(2.058.813.818)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.972.754.117)
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	52.395.352.010
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(16.537.021.001)
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	35.858.331.009
Giá trị hợp nhất kinh doanh (b)	42.089.370.000
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	6.231.038.991

Tài sản của Công ty con đã mua được xác định theo giá trị hợp lý bằng giá trị sổ sách.

Tiền chi thuần để mua công ty con:

Trả bằng tiền	21.818.970.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	(5.979.290.655)
Tiền chi thuần	15.839.679.345

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.	Xây lắp và Thương mại	79,69%	79,35%	69,67%	69,67%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Xây lắp	68,44%	32,96%	68,44%	32,96%

(*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 430 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 378 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	4 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhận diện thương hiệu

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	910.734.890	1.187.861.816
Tiền gửi ngân hàng	18.152.595.559	34.458.227.539
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	13.630.000.000	25.174.416.667
Cộng	<u>32.693.330.449</u>	<u>60.820.506.022</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	5.445.814.720	5.445.814.720	17.742.963.176	17.742.963.176
Tiền gửi có kỳ hạn	5.445.814.720	5.445.814.720	17.742.963.176	17.742.963.176
Dài hạn	3.085.702.876	3.085.702.876	2.528.554.420	2.528.554.420
Tiền gửi có kỳ hạn	3.085.702.876	3.085.702.876	2.528.554.420	2.528.554.420
Cộng	<u>8.531.517.596</u>	<u>8.531.517.596</u>	<u>20.271.517.596</u>	<u>20.271.517.596</u>

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	20.105.600.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV ^(*)	-	-	20.105.600.000	-
Cộng	-	-	<u>20.105.600.000</u>	-

(*) Trong năm, Tập đoàn đã mua thêm 1.773.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV với giá mua là 21.818.970.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 3.421.900 cổ phiếu, tương đương 68,44% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV (số đầu năm là 1.648.000 cổ phiếu, tương đương 32,96% vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV trở thành công ty con kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giao dịch với công ty liên kết*

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV là công ty liên kết (trước ngày trở thành Công ty con) như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây dựng	7.777.016.369	-
Doanh thu cho thuê xe, văn phòng	600.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	71.200.089.278	39.114.245.836
Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin	6.873.352.793	6.446.540.289
Công ty TNHH Ch.Karnchang	2.370.249.716	1.561.121.780
Công ty SK Engineering and Construction	8.219.646.035	3.539.462.178
Ban quản lý dự án Nhà máy Alumina Nhân cơ - Vinacomin	-	10.495.011.347
Duglas Alliance	713.180.849	8.119.298.677
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	396.235.521	5.662.548.971
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.561.371.000	529.710.800
BQL Dự án Tổ hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng	-	-
Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	15.365.681.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	15.376.487.348	-
Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	6.535.752.100	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	5.906.047.298	-
Các khách hàng khác	7.882.085.122	2.760.551.794
Cộng	<u>71.200.089.278</u>	<u>39.114.245.836</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	39.021.739.555	48.181.982.463
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	8.021.217.725	16.042.435.452
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4	5.772.774.000	11.487.356.000
Công ty SK Engineering and Construction	12.129.708.772	10.275.766.380
Các khách hàng khác	13.098.039.058	10.376.424.631
Cộng	<u>39.021.739.555</u>	<u>48.181.982.463</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	8.752.579.422	1.052.701.397
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	3.837.592.759	-
Công ty Cổ phần Tư vấn & Kỹ thuật Abel Việt Nam	1.771.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	1.157.099.717	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế REENCO Việt Nam	120.000.000	170.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	-	579.908.628
Công ty TNHH Xây dựng Hoài Anh	-	131.550.386
Công ty Cổ phần Đông Quỳnh Biên	-	135.499.999
Các nhà cung cấp khác	1.866.886.946	35.742.384
Cộng	<u>8.752.579.422</u>	<u>1.052.701.397</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Ông Phạm Văn Tùng vay với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 10 tháng. Khoản vay này đã được trả hết trong năm 2016.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.828.967.958</i>	-	<i>2.332.334.522</i>	-
Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương	1.346.270.868	-	1.709.052.638	-
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	282.697.090	-	423.281.884	-
Bà Nguyễn Thị Loan - Tiền cho vay không tính lãi	200.000.000	-	200.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>59.611.574.362</i>	<i>(21.540.049.741)</i>	<i>40.669.900.632</i>	<i>(15.078.034.819)</i>
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên - Tiền lãi vay, tiền chi hộ	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(15.078.034.819)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.040.615.520	-	506.267.868	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - đặt cọc mua cổ phần	13.200.000.000	-	-	-
Tạm ứng	1.848.391.072	-	11.504.705.017	-
Công ty TNHH MTV Cavico Khai thác mỏ Quảng Ninh - Tiền chi hộ	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam - Tiền chi hộ	12.610.656.272	-	1.429.560.272	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	475.317.429	-	621.195.817	-
Tiền lãi cho vay	-	-	469.639.333	-
Ứng trước tiền lương	179.399.317	-	789.425.349	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	717.145.011	-	809.057.235	-
Cộng	<u>61.440.542.320</u>	<u>(21.540.049.741)</u>	<u>43.002.235.154</u>	<u>(15.078.034.819)</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu về tiền bán hàng phát sinh của các tổ chức, cá nhân khác không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước.

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm ²	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	21.540.049.741	6.462.014.922
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Trên 3 năm	2.267.704.120	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.267.704.120	680.311.236
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	-	Trên 3 năm	704.446.925	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa	Trên 3 năm	62.500.000	-	Trên 3 năm	62.500.000	-
Công ty Cổ phần Anh Cao	Trên 3 năm	55.850.000	-	Trên 3 năm	55.850.000	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	Trên 3 năm	28.000.000	-	Trên 3 năm	28.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đô thị Hà Nội	Trên 3 năm	50.000.000	-	Trên 3 năm	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thành Vương	Trên 3 năm	440.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.906.047.298	2.953.023.649	-	-	-
Cộng		31.054.598.084	2.953.023.649		24.708.550.786	7.142.326.158

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn		Cộng
	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu và cho vay dài hạn	
Số đầu năm	16.528.590.830	1.037.633.798	17.566.224.628
Trích lập dự phòng bổ sung	10.535.349.807	-	10.535.349.807
Phân loại lại	1.037.633.798	(1.037.633.798)	-
Số cuối năm	28.101.574.435	-	28.101.574.435

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	62.481.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.229.752.850	-	4.723.615.059	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154.760.172.914	-	67.182.231.885	-
Thành phẩm	160.252.268	-	-	-
Hàng hóa	334.498.348	-	147.623.849	-
Cộng	163.547.157.380	-	72.053.470.793	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.397.266.817	2.493.303.828
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	-	1.627.016.176
Phí bảo lãnh	470.504.949	363.713.335
Chi phí bảo hiểm	6.677.503	76.821.290
Chi phí sửa chữa	301.437.613	504.765.447
Chi phí thuê văn phòng, thuê sân, bãi đỗ xe	169.090.908	-
Phí đường bộ	15.988.273	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	111.031.593	-
Cộng	2.471.997.656	5.065.620.076

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	365.643.117	1.834.174.017
Các chi phí trả trước dài hạn khác	9.958.107	48.000.000
Cộng	375.601.224	1.882.174.017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chờ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	-	33.378.916.983	15.693.883.332	445.908.848	970.383.653	50.489.092.816
Mua trong năm	-	1.576.392.205	4.430.000.000	-	-	6.006.392.205
Đầu tư XD/CB hoàn thành	11.810.888.028	-	-	-	-	11.810.888.028
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.636.984.488	58.909.018.012	48.710.261.295	294.371.940	-	119.550.635.735
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.904.925.633)	(21.697.337.372)	-	-	(23.602.263.005)
Số cuối năm	23.447.872.516	91.959.401.567	47.136.807.255	740.280.788	970.383.653	164.254.745.779
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9.819.841.220	557.289.573	319.654.303	-	10.696.785.096
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	-	24.397.211.477	8.645.782.882	415.881.794	970.383.653	34.429.259.806
Khấu hao trong năm	1.159.812.353	6.233.555.449	3.793.193.275	57.750.408	-	11.244.311.485
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.186.727.005	39.076.422.642	38.014.855.511	250.877.277	-	81.528.882.435
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.904.925.633)	(16.991.253.527)	-	-	(18.896.179.160)
Số cuối năm	5.346.539.358	67.802.263.935	33.462.578.141	724.509.479	970.383.653	108.306.274.566
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	8.981.705.506	7.048.100.450	30.027.054	-	16.059.833.010
Số cuối năm	18.101.333.158	24.157.137.632	13.674.229.114	15.771.309	-	55.948.471.213
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.377.498.688 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Liên Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Nhận diện thương hiệu	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng *
Nguyên giá			
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
Số cuối năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	34.909.162	38.000.000	72.909.162
Khấu hao trong năm	20.945.496	-	20.945.496
Số cuối năm	55.854.658	38.000.000	93.854.658
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	174.545.838	-	174.545.838
Số cuối năm	153.600.342	-	153.600.342
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công trình Xây dựng Trung tâm Thương mại Kinh Môn.

Chi tiết số phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.797.388.028	11.740.268.807
Chi phí phát sinh trong năm	19.300.000	57.119.221
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(11.810.888.028)	-
Kết chuyển giảm khác	(5.800.000)	-
Số cuối năm	-	11.797.388.028

13. Lợi thế thương mại

Là khoản phát sinh khi mua Công ty con- Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV.

Chi tiết số phát sinh như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Số phát sinh	6.231.038.991
Số phân bổ	(311.551.950)
Số cuối năm	5.919.487.041

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	82.597.332.325	20.920.713.128
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Trung Hải	25.749.712.711	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương Mại Thanh Phú	6.592.656.000	2.650.351.560
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Huế Sài Gòn	5.822.180.350	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	4.500.000.000	-
Công ty Khai thác Khoáng sản Tây Nguyên	3.676.463.828	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	-	3.688.117.083
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	-	1.312.277.982
Các nhà cung cấp khác	36.256.319.436	13.269.966.503
Cộng	82.597.332.325	20.920.713.128

14b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	6.624.090.435	15.481.396.818
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.401.825.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	200.000.000	8.009.903.225
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Các nhà cung cấp khác	1.043.083.157	2.090.486.315
Cộng	6.624.090.435	15.481.396.818

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	3.575.495.090
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV	-	3.575.495.090
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	77.660.311.215	15.393.487.568
BQL Dự án nhà máy Alumina Nhân Cơ	49.662.602.983	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.672.852.101	-
Công ty SK Engineering and Construction	7.953.918.365	7.397.017.139
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Huế Sài Gòn	6.799.894.000	-
Duglas Alliance	4.378.000.000	4.378.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	-	2.115.170.429
Các khách hàng khác	193.043.766	1.503.300.000
Cộng	77.660.311.215	18.968.982.658

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Điều chỉnh	
					giảm theo biên bản thuế	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.311.921.305	(6.262.301.382)	-	-	2.049.619.923
Thuế xuất, nhập khẩu	-	73.493.616	(73.493.616)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.980.899.195	2.213.213.249	(7.120.816.617)	514.798.472	-	1.588.094.299
<i>Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài^(*)</i>	-	365.591.016	(276.000.000)	-	-	89.591.016
Thuế thu nhập cá nhân	726.186.013	1.408.082.472	(2.028.993.705)	153.863.880	-	259.138.660
Các loại thuế khác	6.224.646	162.000.000	(162.000.000)	-	(6.224.646)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	232.659.703	2.244.696	(2.252.283)	-	(72.072.408)	160.579.708
Cộng	6.945.969.557	12.170.955.338	(15.649.857.603)	668.662.352	(78.297.054)	4.057.432.590

(*) Trong năm, Tập đoàn phát sinh thêm khoản thuế TNDN năm 2015 nộp bổ sung cho dự án Xenamnoy tại Lào là 276 triệu đồng.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.937.213.249	7.158.703.026
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung tại Lào năm 2015	276.000.000	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	1.268.460.441
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.213.213.249	8.427.163.467

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	824.989.061	268.935.805
Chi phí lãi vay phải trả	78.554.331	85.299.441
Trích trước chi phí công trình	640.848.960	-
Trích trước chi phí sửa chữa	-	103.636.364
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	105.585.770	80.000.000
Cộng	824.989.061	268.935.805

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

18a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu cho thuê nhà nhận trước.

18b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Số dư đầu năm là doanh thu nhận trước của Dự án Senji.

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.052.395.364	14.689.666.057
Kinh phí công đoàn	276.271.776	10.275.776
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	292.705.487	1.610.230.614
Nhận kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	1.114.930.426	3.650.432.753
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	-	1.120.314.660
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng	-	5.111.827.647
Công ty SK Engineering and Construction	-	1.228.587.281
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	368.487.675	1.957.997.326
Cộng	2.052.395.364	14.689.666.057

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	31.883.826.592	42.432.902.385
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.550.493.592	41.099.569.053
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình	-	7.815.988.507
Ngân hàng Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt(i)	15.655.207.185	19.297.670.720
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	15.895.286.407	13.985.909.826
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	333.333.000	1.333.333.332
Cộng	31.883.826.592	42.432.902.385

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký kế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 04 hoặc 05 tháng kể từ ngày ký kế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Tăng khác do đánh giá lại CLTG cuối năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	41.099.569.053	76.571.791.766	-	206.768.511	(86.327.635.738)	31.550.493.592
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(*)	-	3.160.000.000	-	-	(3.160.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.333.333.332	-	333.334.668	-	(1.333.335.000)	333.333.000
Cộng	42.432.902.385	79.731.791.766	333.334.668	206.768.511	(90.820.970.738)	31.883.826.592

(*) Là khoản vay cá nhân bà Đinh Thị Thủy – Phó Tổng Giám đốc Công ty với lãi suất 5,7%/năm để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay đã được thanh toán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Số dư đầu năm là khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt để mua máy bơm bê tông nhãn hiệu Deawoo với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 27 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	333.333.000	1.333.333.332
Trên 1 năm đến 5 năm	-	333.334.668
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>333.333.000</u>	<u>1.666.668.000</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	333.334.668
Số tiền vay đã trả	
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(333.334.668)
Số cuối năm	<u>-</u>

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng do hợp nhất kinh doanh</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	857.610.520	-	2.765.734.795	(123.000.000)	3.500.345.315
Quỹ phúc lợi	465.640.792	-	2.061.365.572	(383.741.000)	2.143.265.364
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	145.653.750	(145.653.750)	-
Cộng	<u>1.323.251.312</u>	<u>-</u>	<u>4.972.754.117</u>	<u>(652.394.750)</u>	<u>5.643.610.679</u>

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản trích lập dự phòng của Công ty mẹ vào Công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	287.138.907	-
Số cuối năm	<u>287.138.907</u>	<u>-</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	80.000.000.000	-	3.167.148.677	24.053.155.672	2.642.380.022	109.862.684.371
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	12.000.000.000	-	-	(12.000.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	80.000.000.000	-	-	-	-	80.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	18.925.999.917	-	18.925.999.917
Trích lập các quỹ	-	-	805.598.195	(805.598.195)	-	-
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(258.000.000)	-	(258.000.000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(211.950.000)	-	-	-	(211.950.000)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	(224.557)	224.557	-
Số dư cuối năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	3.972.746.872	29.915.332.837	2.642.604.579	208.318.734.288
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	3.972.746.872	29.915.332.837	2.642.604.579	208.318.734.288
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.885.514.788	-	1.885.514.788
Trích lập các quỹ	-	-	946.629.999	(946.629.999)	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(17.200.000.000)	-	(17.200.000.000)
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(129.000.000)	-	(129.000.000)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	(28.454)	28,454	-
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	17,454,067,435	17,454,067,435
Số dư cuối năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	4.919.376.871	13.525.189.172	20.096.700.468	210.329.316.511

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25 tháng 3 năm 2016 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	946.629.999
• Thù lao Hội đồng quản trị	129.000.000
• Cổ tức phải trả	17.200.000.000

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	12.830,98	183.412,69
Kíp Lào (LAK)	1.147.366,20	1.772.320,20

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	70.051.055.629	71.465.277.649
Doanh thu bán thành phẩm	20.714.351.650	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.868.995.966	8.743.284.010
Doanh thu hợp đồng xây dựng	252.971.960.540	269.040.591.310
Doanh thu khác	264.905.360	-
Cộng	347.871.269.145	349.249.152.969

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	51.069.185.576	48.169.183.676
Giá vốn của thành phẩm đã bán	19.519.862.962	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.483.520.807	5.950.940.597
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	221.386.963.136	225.586.985.832
Giá vốn sản phẩm khác	100.659.937	-
Cộng	<u>295.560.192.418</u>	<u>279.707.110.105</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.241.244.437	1.316.438.194
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	66.113.108	40.758.061
Lãi tiền cho vay	73.819.375	469.639.333
Lãi bán cổ phiếu	-	102.576.855
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	629.822.724	1.461.292.619
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	41.629.359	1.189.777.963
Doanh thu tài chính khác	-	4.901.516
Cộng	<u>2.052.629.003</u>	<u>4.585.384.541</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.465.659.211	2.703.509.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	952.546.525	2.682.102.160
Chi phí tài chính khác	625.639.205	11.610.667
Cộng	<u>4.043.844.941</u>	<u>5.397.222.143</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.816.860.237	19.628.632.564
Các chi phí khác	2.333.330	42.652.782
Cộng	<u>17.819.193.567</u>	<u>19.671.285.346</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.836.435.641	8.168.051.260
Chi phí vật liệu quản lý	300.096.333	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	948.727.780	1.069.188.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.766.659.374	2.231.788.878
Thuế, phí và lệ phí	337.913.548	397.765.078
Dự phòng phải thu khó đòi	10.535.349.807	5.158.525.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.362.968.274	4.580.196.703
Các chi phí khác	1.298.490.102	129.346.372
Cộng	<u>28.386.640.859</u>	<u>21.734.862.777</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.058.813.818	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	1.265.198.686	-
Thu phí bảo hiểm được hoàn	97.014.473	1.612.744.821
Thu từ bán dầu	60.786.900	6.066.445.761
Thu từ bán vật liệu nổ	-	796.208.499
Thu từ dịch vụ khoan và nổ mìn	-	536.594.635
Thu tiền thí nghiệm công trình	-	49.282.764
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	3.586.043.850
Thu từ thanh lý phế liệu, vật tư	-	722.001.818
Thu từ nhượng cấp thiết bị, vật tư	-	826.803.913
Thu khác	170.416.888	192.695.601
Cộng	<u>3.652.230.765</u>	<u>14.388.821.662</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản thuế bị phạt, bị truy thu	1.495.803.840	3.096.318.987
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	560.373.441	441.585.872
Chi phí thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được khấu trừ	276.000.000	178.760.935
Phạt chậm nộp	203.985.140	715.627.840
Chi phí thuê kho bãi để vật tư	147.250.000	-
Chi phí cung cấp dầu	57.604.162	5.492.534.370
Chi phí bán vật liệu nổ	-	796.208.499
Chi phí dịch vụ nổ mìn	-	415.076.813
Chi phí thí nghiệm công trình	-	49.282.764
Giá trị vật tư thanh lý	-	2.624.835.885
Chi phí tiền điện	-	123.182.312
Chi khác	757.289.745	527.101.140
Cộng	<u>3.498.306.328</u>	<u>14.460.515.417</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.885.514.788	18.925.999.917
Trích Thù lao Hội đồng quản trị	(129.000.000)	(258.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.756.514.788	18.667.999.917
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	17.200.000	12.245.140
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>102</u>	<u>1.525</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuê 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích thù lao Hội đồng quản trị khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.888 VND xuống còn 1.525 VND.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	129.000.000	258.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Vay Bà Đinh Thị Thủy	3.160.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	1.830.240.000	2.025.190.217

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

3a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	256.086.973.986	91.393.558.614	347.480.532.600
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	256.086.973.986	91.393.558.614	347.480.532.600
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	46.388.951.996	5.922.124.731	52.311.076.727
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(46.205.834.426)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.105.242.301
Doanh thu hoạt động tài chính			2.052.629.003
Chi phí tài chính			(4.043.844.941)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			789.508.022
Thu nhập khác			3.652.230.765
Chi phí khác			(3.498.306.328)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.937.213.249)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(317.684.351)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.802.561.222
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.741.267.959	291.727.273	6.032.995.232
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.938.415.030	76.649.317	13.015.064.347
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	216.388.042.012	132.861.110.957	349.249.152.969
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.388.042.012	132.861.110.957	349.249.152.969
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	25.355.809.384	24.514.948.134	49.870.757.518
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(21.734.862.777)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			28.135.894.741
Doanh thu hoạt động tài chính			4.585.384.541

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Chi phí tài chính			(5.397.222.143)
Thu nhập khác			14.388.821.662
Chi phí khác			(14.460.515.417)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.427.163.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			100.800.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			18.925.999.917
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.834.949.090	3.582.627.816	9.417.576.906
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.985.737.475	3.061.216.386	8.046.953.861
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	296.428.692.533	42.041.344.314	338.470.036.848
Tài sản phân bổ cho bộ phận	2.628.420.435	372.778.787	3.001.199.222
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			90.930.847.095
Tổng tài sản			432.402.083.165
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	65.197.415.302	12.587.895.913	77.785.311.215
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	111.874.314.100	21.599.970.102	133.474.284.202
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			10.813.171.237
Tổng nợ phải trả			222.072.766.654
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	112.932.247.096	38.006.750.909	150.938.998.006
Tài sản phân bổ cho bộ phận	14.363.227.426	8.818.945.515	23.182.172.941
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			170.838.454.723
Tổng tài sản			344.959.625.670
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	40.017.280.375	15.867.847.019	55.885.127.394
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	39.814.876.067	15.582.353.404	55.397.229.471
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			25.358.534.517
Tổng nợ phải trả			136.640.891.382

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Các lĩnh vực khác: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực xây lắp	252.971.960.540	269.040.591.310
Lĩnh vực thương mại	90.374.670.734	71.465.277.649
Lĩnh vực khác	4.133.901.326	8.743.284.010
Cộng	347.480.532.600	349.249.152.969

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các cá nhân vay tiền, cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.693.330.449	-	32.693.330.449
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.531.517.596	-	8.531.517.596
Phải thu khách hàng	100.707.280.490	9.514.548.343	110.221.828.833
Các khoản phải thu khác	37.302.534.232	21.540.049.741	58.842.583.973
Cộng	179.234.662.767	31.054.598.084	210.289.260.851
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.820.506.022	-	60.820.506.022
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.271.517.596	-	20.271.517.596
Phải thu khách hàng	132.990.020.953	2.488.189.809	135.478.210.762
Các khoản cho vay	11.574.000.000	-	11.574.000.000
Các khoản phải thu khác	15.290.299.937	15.078.034.819	30.368.334.756
Cộng	240.946.344.508	17.566.224.628	258.512.569.136

3a. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	82.597.332.325	6.624.090.435	-	89.221.422.760
Vay và nợ	31.883.826.592	-	-	31.883.826.592
Các khoản phải trả khác	1.483.418.101	27.500.000	-	1.510.918.101
Cộng	115.964.577.018	6.651.590.435	-	122.616.167.453

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	20.920.713.128	15.481.396.818	-	36.402.109.946
Vay và nợ	42.432.902.385	333.334.668	-	42.766.237.053
Các khoản phải trả khác	13.069.159.667	12.621.600	-	13.081.781.267
Cộng	76.422.775.180	15.827.353.086	-	92.250.128.266

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn./Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và LAK do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>	<u>LAK</u>	<u>USD</u>	<u>LAK</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.655,37	1.147.366,20	183.412,69	1.772.320,20
Phải thu khách hàng	1.043.628,57	-	1.094.899,50	-
Vay và nợ	(360.719,81)	-	(719.981,57)	-
Phải trả người bán	(7.642,50)	(191.582.572,48)	(520,00)	(184.795.618,97)
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	687.921,63	(190.435.206,28)	557.810,62	(183.023.298,77)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 445.087.982 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 624.469.395 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và LAK đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.630.000.000	-	25.174.416.667	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.531.517.596	-	20.271.517.596	-
Vay và nợ	23.715.236.258	360.719,81	(26.606.053.477)	(719.981,57)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	45.876.753.854	360.719,81	18.839.880.786	(719.981,57)

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3a. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây (xem thuyết minh số V.20a). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 24.453.699.073 VND.

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.693.330.449	-	60.820.506.022	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.531.517.596	-	20.271.517.596	-
Phải thu khách hàng	110.221.828.833	(6.561.524.694)	135.478.210.762	(2.488.189.809)
Các khoản cho vay	-	-	11.574.000.000	-
Các khoản phải thu khác	58.842.583.973	(21.540.049.741)	30.368.334.756	(15.078.034.819)
Cộng	210.289.260.851	(28.101.574.435)	258.512.569.136	(17.566.224.628)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	89.221.422.760	36.402.109.946
Vay và nợ	31.883.826.592	42.766.237.053
Các khoản phải trả khác	1.695.058.202	13.350.717.072
Cộng	122.800.307.554	92.519.064.071

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy



Kim Ngọc Nhân